TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **146**/2019/HS-PT
Ngày 16 - 9 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Quang**

Các Thẩm phán: Ông **Cao Quốc Chiến**

Ông **Phan Văn Thuấn**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Trương Thị Quý** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang *tham gia phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Tuyết Nhung** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 93/2019/HS-PT ngày 01 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Minh D do có kháng cáo của các bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2019/HS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Nguyễn Minh D, sinh năm 1990 tại: T, Kiên Giang.

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã A, huyện T, tỉnh Kiên Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh, tôn giáo: Thiên chúa; nghề nghiệp: Làm thuê, trình độ học vấn: 5/12; con ông Nguyễn Thanh N (chết) và bà Vũ Thị D1; vợ: Lương Thị Đ; con: có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2016 và nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 24/6/2010 bị Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm tuyên phạt 12 năm tù giam về tội "Hiếp dâm trẻ em", ngày 31/8/2015 được đặc xá và trả tự do (đã được xóa án tích). Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/11/2018 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- Các bị hại:

1. Ông **Huỳnh Văn V**, sinh năm 1982 (có mặt)

2. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1976 (có mặt)

Cùng cư trú: Ấp S, xã A, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:* Ông **Hoàng Q** – Luật sư cộng tác viên thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 21/10/2018, Nguyễn Minh D, sau khi nghỉ uống rượu, bia với những người quen cùng dãy nhà trọ ở số 3/2, Bình Đức, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương. Do trước đó có mâu thuẫn với vợ chồng bà Nguyễn Thị H và Huỳnh Văn V nên D điều xe mô tô hiệu Dream, nhãn hiệu SIRENA mang biển kiểm soát 68S5-7218 (chiếc xe D mượn của anh trai là Nguyễn Chí C để đi Bình D làm thuê) chạy về T, Kiên Giang để giải quyết mâu thuẫn với bà H, ông V.

Nguyễn Minh D chạy xe về đến huyện T khoảng 23 giờ cùng ngày, tiếp tục chạy đường Kinh 8 về nhà của H tại tuyến dân cư 600 từ Kinh 8 qua Kinh 7, trên đường đi D nhặt được một khúc cây tròn bằng gỗ dài khoảng 60cm cầm trên tay chạy xe đến nhà bà H thuộc ấp Kinh 8A, xã A, huyện T, tỉnh Kiên Giang, thì D đậu chiếc xe ở gần cổng, quay xe sẵn và đi vào nhà bà H thấy cửa trước có khóa nên D đi vòng qua cửa sau (lối đi bên hông nhà) thì không có khóa cửa. Lúc này khoảng 23 giờ 30 phút, D đi vào nhà bà H, định dùng cây gỗ vừa nhặt được với mục đích là dọa vợ chồng bà H thì nhìn thấy có con dao để bên dưới bếp gas (đặc điểm dao dài khoảng 50cm đến 60cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen, cán dao bằng cây gỗ được cuốn bằng băng keo màu đen) nên D ném khúc cây ra ngoài chuồng trâu gần đó và cầm lấy cây dao đi vào buồng chỗ vợ chồng bà H ngủ, thấy đèn trong buồng thắp sáng, V đang nằm trên võng chân quay ra ngoài cửa buồng, đầu quay vào vách tường, H đang nằm trong mùng với hai người con của H ở bên cạnh. D cầm dao trên tay nhắm vào chân V chém thẳng xuống làm đứt gân các ngón chân, đứt lìa ngón chân cái bàn chân phải nên V bật dậy la lên, D tiếp tục chém xuống nhiều nhát thì H thức giấc nhào ra dùng hai tay đỡ cho V thì bị D chém trúng vào cả hai tay. Thấy vậy, D dừng lại và bỏ đi ra cửa sau nhà H ném con dao lại phía sau khu vực nhà bếp và đi ra ngoài lộ theo hướng bên hông nhà, lên xe chạy ra đầu Kinh 8 rồi chạy thẳng đi Bình Dương.

Trên đường đi Nguyễn Minh D có gọi điện cho Nguyễn Chí C (anh trai của D) kể việc chém hai vợ chồng H và kêu C sang nhà coi tình hình hai vợ chồng H ra sao, nếu không có ai ở đó thì đưa hai vợ chồng đi bệnh viện dùm vì thấy máu hai vợ chồng ra nhiều, nếu không ai đưa đi sẽ chết, nhưng C sợ bị hai vợ chồng H đánh nên không đi sang. Sau đó D điện thoại cho mẹ là bà Vũ Thị D1 báo sự việc

rồi chạy đến khu vực Kinh B, thị trấn T nằm ngủ đến khoảng 5 giờ ngày 22/10/2018 thức dậy và lấy xe chạy tiếp lên Bình Dương.

Ngày 14/11/2018, tại Cơ quan điều tra Nguyễn Minh D ra đầu thú đã thực hiện hành vi gây thương tích cho vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Huỳnh Văn V.

Về hung khí gây án: qua lời khai nhận, bị cáo đã sử dụng con dao được lấy trong nhà bếp của vợ chồng V (loại dao chặt thịt bản lớn) dài khoảng 50cm, cán dao bằng gỗ được cuốn băng keo màu đen, lưỡi dao bằng kim loại màu đen để chém hai vợ chồng V, H gây thương tích. Sau đó, D bỏ con dao lại phía sau nhà vợ chồng V, khu vực gần chuồng trâu. Ngoài ra, trước khi đến nhà vợ chồng V gây án, D khai nhận có nhặt một khúc cây tròn dài khoảng 60cm, sau khi đi vào nhà D thấy con dao nên bỏ lại khúc cây phía sau bếp gần khu vực chuồng trâu.

Tuy nhiên, qua công tác khám nghiệm hiện trường và tổ chức dò tìm ở khu vực xung quanh hiện trường gây án và nơi D khai nhận đã bỏ con dao và khúc cây lại, Cơ quan điều tra tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được con dao và khúc cây nào có đặc điểm như D khai nhận. Tiến hành để D nhận dạng những con dao có trong nhà vợ chồng V, D xác định không có con dao nào D đã sử dụng để gây án vào đêm 21/10/2018.

* Kết luận giám định pháp y về thương tích số 583/KL-PY ngày 15/11/2018 Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Kiên Giang kết luận thương tích của Huỳnh Văn V như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo xơ cứng cẳng – cổ tay trái, ngón II tay trái, cẳng chân trái, bàn chân trái, đùi phải, cẳng chân phải và ngón II bàn chân phải.

- Mất xương đốt giữa và đốt xa ngón I bàn chân phải.

- Gãy đầu dưới hai xương cẳng tay trái, xương trụ vỡ phức tạp, di lệch trục, biến dạng. Hiện tại còn hạn chế vận động sấp - ngửa cẳng tay và vận động khớp cổ tay.

- Gãy xương đốt xa ngón II bàn chân phải.

- Mẻ (đứt) xương chày phải, hiện tại còn dị vật.

- Đứt gân duỗi các ngón và gân duỗi cổ tay trụ trái. Hiện tại còn hạn chế chức năng vận động các ngón tay.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 49%.

3. Vật gây thương tích: vật sắc.

4. Về chức năng bộ phận cơ thể:

- Thương tích vùng cẳng - cổ tay trái gây hạn chế chức năng vận động sấp - ngửa cẳng tay, khớp cổ tay và các ngón tay mức độ nhiều.

- Thương tích ngón I bàn chân phải gây hạn chế chức năng vận động mức độ vừa.

* Kết luận giám định pháp y về thương tích số 584/KL-PY ngày 15/11/2018 Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Kiên Giang kết luận thương tích của Nguyễn Thị H như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo xơ cứng cẳng tay phải và cẳng tay trái.

- Gãy 1/3 trên xương trụ phải. Hiện tại xương di lệch trục, gây hạn chế vận động gấp duỗi khớp khuỷu và vận động sấp - ngửa cẳng tay.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 33%.

3. Vật gây thương tích: vật sắc.

4. Về chức năng bộ phận cơ thể: thương tích tay phải gây hạn chế chức năng vận động khớp khuỷu và cẳng tay mức độ vừa.

*** Tại bản án hình sự sơ thẩm số 10/2019/HS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:**

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Minh D** phạm tội "Cố ý gây thương tích".

- Áp dụng: khoản 1 Điều 38; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm đ khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Minh D 08 (tám) năm tù.** Thời hạn tù tính kể từ ngày tạm giữ 14/11/2018 và tiếp tục tạm giam để bảo đảm thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 590 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh D bồi thường cho bị hại Huỳnh Văn V các khoản tiền chi phí điều trị, tiền tổn thất tinh thần, tiền mất thu nhập với số tiền tổng cộng là 64.131.155đ. Khấu trừ số tiền bị cáo đã khắc phục được một phần hậu quả cho bị hại V là 3.000.000đ. Bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho bị hại V với tổng số tiền là 61.131.155đ.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh D bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị H các khoản tiền chi phí điều trị, tiền tổn thất tinh thần, tiền mất thu nhập với số tiền tổng cộng là 45.051.746đ. Khấu trừ số tiền bị cáo đã khắc phục được một phần hậu quả cho bị hại H là 2.000.000đ. Bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho bị hại H với tổng số tiền là 43.051.746đ.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10 tháng 6 năm 2019 bị hại ông Huỳnh Văn V và bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo với nội dung: Hành vi của bị cáo Nguyễn Minh D là cố ý giết người chứ không phải cố ý gây thương tích, ông bà yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tăng nặng hình phạt của bị cáo, yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là

126.111.330 đồng và yêu cầu bị cáo và mẹ bị cáo (bà Dung) trả lại tài sản đã cướp của ông bà là 13.000.000 đồng.

* Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Minh D đã thừa nhận bản án của Tòa án nhân dân huyện T xét xử bị cáo về tội "*Cố ý gây thương tích*" theo điểm đ khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng tội của bị cáo.

Bị hại ông Huỳnh Văn V thay đổi kháng cáo, yêu cầu bị cáo phải bồi thường chi phí điều trị và tiền mất thu nhập trong một năm với tổng số tiền là 72.000.000 đồng và yêu cầu tăng mức hình phạt của bị cáo.

Bị hại bà Nguyễn Thị H yêu cầu xử bị cáo về tội giết người, buộc bị cáo phải bồi thường các khoản: Chi phí điều trị là 7.541.000 đồng, tổn thất tinh thần 25.330.000 đồng, tiền mất thu nhập là 108.000.000 đồng; tổng cộng là 140.871.000 đồng.

* Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm đ khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo về tội "*Cố ý gây thương tích*" là đúng quy định pháp luật.

Về kháng cáo của bà H yêu cầu xử bị cáo tội Giết người là không có căn cứ, bởi bị cáo thực hiện hành vi không có mục đích giết người, vị trí bị cáo chém người bị hại không phải là vùng trọng yếu như đầu, cổ…Về hình phạt của bị cáo, xét thấy cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xử phạt bị cáo mức án 08 năm tù là phù hợp nên kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt bị cáo của ông V là không có căn cứ.

Về phần trách nhiệm dân sự, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của người bị hại, cụ thể bồi thường cho ông V chi phí điều trị, tiền mất thu nhập là 72.000.000 đồng, bồi thường cho bà H số tiền 140.871.000 đồng (gồm chi phí điều trị là 7.541.000 đồng, tổn thất tinh thần 25.330.000 đồng, tiền mất thu nhập là 108.000.000 đồng). Do đó, đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo.

Cấp sơ thẩm buộc phía bị hại phải chịu án phí sơ thẩm giá ngạch đối với số tiền yêu cầu không được chấp nhận là không phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; do phía bị hại thuộc hộ nghèo, cận nghèo là đối tượng được miễn án phí, nên không buộc bị hại phải chịu án phí giá ngạch.

Từ những nhận định trên, đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại, sửa án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự và không buộc bị hại phải chịu án phí giá ngạch.

* Tại phiên tòa, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị hại cho rằng: Thống nhất về mặt tội danh mà cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo. Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo là trước đó hai bên đã có mâu thuẫn, việc mâu thuẫn này không nghiêm trọng nhưng bị cáo vẫn nuôi ý chí trả thù bị hại. Bị cáo phạm tội có chủ ý và chuẩn bị từ trước, thực hiện hành vi phạm tội rất quyết liệt, động cơ đê hèn. Cấp sơ thẩm nhận định bị cáo thành khẩn khai báo là chưa chính xác vì hung khí gây án bị cáo cho rằng lấy tại nhà bị hại nhưng đến nay vẫn không tìm thấy hung khí như bị cáo khai và hung khí bị cáo sử dụng là vật sắc bén và loại hung khí lớn. Cấp sơ thẩm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS là chưa phù hợp vì bị cáo bồi thường số tiền rất ít so với yêu cầu bị hại nên không đáng kể so với tổng số tiền mà bị hại yêu cầu. Bị hại thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên đề nghị xem xét miễn án phí cho bị hại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của bị hại về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị hại theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của bản án sơ thẩm: Do có mâu thuẫn từ trước nên Nguyễn Minh D điều khiển xe mô tô chạy từ Bình Dương về đến nhà vợ chồng ông Huỳnh Văn V và bà Nguyễn Thị H ở ấp Kinh 8, xã A, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Trên đường đi, D nhặt một khúc cây tròn bằng gỗ dài khoảng 50cm, lợi dụng đêm khuya D đi vòng ra cửa sau vào nhà ông V, bà H định dùng cây gỗ vừa nhặt được dọa vợ chồng ông V thì nhìn thấy có con dao để dưới bếp ga (dao dài khoảng 50cm đến 60cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen, cán dao bằng cây gỗ) nên D ném khúc cây ra ngoài, khi đó ông V, bà H đang ngủ thì D dùng dao chém trúng vào cổ tay trái, ngón II tay trái, cẳng chân trái, bàn chân trái, đùi phải, cẳng chân phải và ngón II bàn chân phải làm mất xương đốt giữa và đốt xa ngón I bàn chân phải, gãy xương đốt xa ngón II bàn chân phải của ông V, khi D đang chém ông V thì bà H thức giấc nhìn thấy nên dùng hai tay đỡ cho ông V thì bị D chém trúng vào cẳng tay phải, cẳng tay trái. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của ông V là 49% và bà H là 33%. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử Nguyễn Minh D về tội "Cố ý gây

thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của các bị hại: Chỉ vì có mâu thuẫn từ trước với gia đình ông V, bà H mà bị cáo sau khi nhậu xong đã chạy xe từ Bình Dương về nhà của ông V, bà H tại T, Kiên Giang để giải quyết mâu thuẫn. Lợi dụng đêm khuya khi ông V, bà H đang nằm ngủ bị cáo đã dùng dao chém thẳng xuống chân ông V làm ông V không kịp chống đỡ, bị cáo còn chém nhiều nhát thì bà H thức dậy và đỡ cho ông V thì bị bị cáo chém trúng vào hai tay, thấy vậy nên D dừng lại và bỏ đi ra cửa sau. Hành vi của bị cáo đã gây hậu quả nghiêm trọng cho ông V với tỷ lệ thương tích là 49% và bà H là 33%. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện bản chất hung hăng, côn đồ, xem thường pháp luật, xem nhẹ tính mạng, sức khỏe của người khác, gây ảnh hưởng lâu dài đến cuộc sống của bị hại và còn gây mất trật tự trị an ở địa phương. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với những gì bị cáo đã gây ra, cần tuyên cho bị cáo một mức án nghiêm và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét hành vi của bị cáo phạm tội "Cố ý gây thương tích" chứ không phải cố ý giết người như kháng cáo của bị hại H. Bởi, mục đích của bị cáo không phải là nhằm tước đoạt tính mạng của bị hại, bị cáo cũng không chém vào vùng trọng yếu trên cơ thể mà chỉ chém vào tay, chân của người bị hại. Do đó, kháng cáo của bà H cho rằng bị cáo phạm tội Giết người là không có căn cứ chấp nhận.

Xét thấy, cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ và hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo mức án 08 năm tù là phù hợp và đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo. Tuy nhiên, đối với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự mà cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo là chưa phù hợp, bởi số tiền bị cáo bồi thường cho bị hại là rất ít so với chi phí điều trị của bị hại, về nguyên tắc có lợi cho bị cáo nên cấp phúc thẩm vẫn giữ nguyên cho bị cáo hưởng tình tiết này nhưng cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm việc áp dụng tình tiết nêu trên. Do đó, không chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo của bị hại V.

Về phần trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bà H yêu cầu bị cáo phải bồi thường các khoản: Chi phí điều trị là 7.541.000 đồng, tổn thất tinh thần 25.330.000 đồng, mất thu nhập là 108.000.000 đồng, tổng cộng 140.871.000 đồng. Ông V yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí điều trị, tiền mất thu nhập với tổng số tiền 72.000.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu bồi thường của các bị hại là phù hợp với quy định pháp luật và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cũng đồng ý bồi thường toàn bộ số tiền trên theo yêu cầu của bị hại. Nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo cho người bị hại. Khấu trừ số tiền 3.000.000 đồng mà bị cáo đã khắc phục cho ông V

nên bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường thêm cho ông V số tiền 69.000.000 đồng. Khấu trừ 2.000.000 đồng mà bị cáo đã khắc phục cho bà H nên bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho bà H số tiền 138.871.000 đồng.

Về án phí: Cấp sơ thẩm buộc ông V phải chịu 6.049.000 đồng, bà H phải chịu 4.052.979 đồng án phí có giá ngạch đối với số tiền yêu cầu bồi thường không được chấp nhận là chưa đúng với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bởi bị hại thuộc hộ cận nghèo (thuộc hộ nghèo từ ngày 30/7/2019) là đối tượng được miễn án phí. Tuy bị hại không kháng cáo phần này, nhưng xét thấy việc buộc bị hại phải chịu số tiền án phí nêu trên là ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, nên cần thiết sửa án sơ thẩm, không buộc bị hại phải chịu án phí dân sự có giá ngạch như cấp sơ thẩm đã tuyên.

[4] Về quan điểm của Kiểm sát viên: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại, giữ nguyên tội danh, mức án của bị cáo, ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo cho bị hại và không buộc bị hại phải chịu án phí dân sự giá ngạch. Xét thấy, quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX đã phân tích trên nên chấp nhận.

[5] Về quan điểm của Luật sư: Luật sư thống nhất về tội danh của bị cáo là cố ý gây thương tích, tuy nhiên cấp sơ thẩm nhận định bị cáo thành khẩn khai báo và áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS là chưa phù hợp. Xét quan điểm của Luật sư thấy rằng, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo đều thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội, bị cáo cũng đồng ý bồi thường chi phí điều trị và các khoản chi phí hợp lý khác theo yêu cầu của bị hại nên cấp sơ thẩm nhận định bị cáo thành khẩn khai báo là phù hợp nên HĐXX không chấp nhận quan điểm đề nghị này của Luật sư. Đối với số tiền 5.000.000 đồng bị cáo đã bồi thường trước cho bị hại là không đáng kể so với số tiền mà bị hại yêu cầu, nhưng cấp sơ thẩm vẫn áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b cho bị cáo là chưa phù hợp như HĐXX đã phân tích trên. Đối với đề nghị miễn án phí giá ngạch cho bị hại là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 135 và 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Bị hại ông V và bà H kháng cáo được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo phải chịu án phí giá ngạch đối với số tiền còn phải bồi thường cho bị hại là: 207.871.000 đồng x 5% = 10.393.550 đồng.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại ông V, bà H.

Sửa bản án sơ thẩm số: 10/2019/HS-ST ngày 28/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện T.

2. Áp dụng: Điểm đ khoản 4 Điều 134, điểm b và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Minh D 8 (tám) năm tù** về tội **"Cố ý gây thương tích"**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 14/11/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Minh D bồi thường cho:

- Bị hại Huỳnh Văn V tiền chi phí điều trị và mất thu nhập là 72.000.000 đồng; được khấu trừ 3.000.000 đồng mà bị cáo đã bồi thường cho ông V theo biên lai thu số 06712 ngày 01/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kiên Giang. Vì vậy, bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho ông V số tiền là 69.000.000 đồng (Sáu mươi chín triệu đồng);

- Bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị H các khoản tiền chi phí điều trị, tiền tổn thất tinh thần, tiền mất thu nhập với tổng số tiền là 140.871.000 đồng; được khấu trừ số tiền 2.000.000 đồng mà bị cáo đã bồi thường cho bà H theo biên lai thu số 06712 ngày 01/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kiên Giang. Vì vậy, bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho bà H số tiền là 138.871.000 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu tám trăm bảy mươi mốt nghìn đồng).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, bà H và ông V có trách nhiệm liên hệ Chi cục thi hành án huyện T, tỉnh Kiên Giang để nhận lại số tiền 5.000.000 đồng nêu trên mà bị cáo đã bồi thường theo biên lai thu số 06712 ngày 01/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135,136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Ông V, bà H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự có giá ngạch.

Bị cáo phải chịu án phí giá ngạch đối với số tiền còn phải bồi thường cho bị hại là 10.393.550 đồng (Mười triệu ba trăm chín mươi ba nghìn năm trăm năm mươi đồng).

5. Các quyết định khác của Bản án số 10/2019/HS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- THA tỉnh KG (1);
- Cơ quan điều tra tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Cơ quan điều tra huyện (1)
- VKSND huyện (1)
- TAND huyện (1)
- THA hình sự huyện(1)
- CC THADS huyện (1)
- Bị cáo (1);
- Bị hại (2);
- Lưu (7).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thành Quang